

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 26/2018/LĐST
Ngày 27/11/2018
*V/v Tranh chấp về bảo hiểm
xã hội.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc

Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí

2. Bà Huỳnh Thị Huế

Nghề nghiệp: Cán bộ Liên đoàn Lao động huyện Củ Chi.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thương - Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 22/2018/TLST-LĐ ngày 19 tháng 9 năm 2018 về việc: “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 396/2018/QĐXXST-LĐ ngày 02 tháng 11 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 324/2018/QĐST-LĐ ngày 16 tháng 11 năm 2018, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1988

Địa chỉ liên lạc: Số 7C đường 41, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hộ khẩu thường trú: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Bà L có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH N

Địa chỉ: Lô B2-9, Khu công Nghiệp T, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nam Sung H - Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lục Thị C, sinh năm: 1986

Hộ khẩu thường trú: Tổ 3, ấp S, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Lô B2-9, Khu công Nghiệp T, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền ngày 24 tháng 9 năm 2018).

Bà Lục Thị C vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bảo hiểm xã hội huyện Củ Chi

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1981, chuyên viên Bảo hiểm xã hội huyện Củ Chi.

(Theo Giấy ủy quyền ngày 15 tháng 11 năm 2018).

Ông Nguyễn Văn C có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 18/9/2018, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:*

Bà (Nguyễn Thị Mỹ L) làm việc tại Công ty TNHH N (gọi tắt là Công ty N) từ tháng 12/2008. Bà có quyết định thôi việc vào ngày 10/3/2017. Tuy nhiên trong quá trình làm việc thì Công ty N đã không đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà từ tháng 12/2015 đến tháng 3/2017. Bà đã yêu cầu Công ty N giải quyết chế độ trên cho bà nhưng Công ty N không thực hiện. Để bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình, bà khởi kiện yêu cầu Công ty N phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà từ tháng 12/2015 đến tháng 3/2017, chốt sổ bảo hiểm xã hội đến tháng 3/2017. Ngoài ra, bà yêu cầu Công ty N phải chi trả tiền trợ cấp thất nghiệp vì hiện nay bà đang ở nhà, không tiếp tục đi làm việc.

Tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn nộp tại Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình: Sổ bảo hiểm xã hội (photo), quyết định nghỉ việc, bản quá trình đóng bảo hiểm xã hội, quyết định về việc hưởng bảo hiểm xã hội một lần.

- *Tại phiên tòa ngày 27/11/2018, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:*

Bà (Nguyễn Thị Mỹ L) rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Công ty N phải chi trả tiền trợ cấp thất nghiệp cho bà. Bà chỉ yêu cầu Công ty N phải đóng bảo hiểm xã hội cho bà từ tháng 12/2015 đến tháng 02/2017, chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà đến tháng 02/2017 và trả sổ bảo hiểm xã hội cho bà.

- *Tại bản tự khai ngày 15/10/2018, bà Lục Thị C là người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH N trình bày:*

Bị đơn xác nhận bà Nguyễn Thị Mỹ L là người lao động của Công ty, ký hợp đồng lao động vào tháng 12/2008, nghỉ việc vào tháng 03/2017. Từ tháng 12/2015 trở đi, Công ty N chưa nộp bảo hiểm xã hội cho bà L.

Bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, Công ty đã đóng đến thời điểm bà L nghỉ việc.

Công ty sẽ chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà L đến tháng 11/2015 và trả sổ cho bà L. Còn quá trình còn lại thì Công ty sẽ liên hệ bà L để chốt sổ sau khi đóng đủ tiền cho bảo hiểm xã hội.

Về bảo hiểm thất nghiệp: Công ty đã đóng đầy đủ bảo hiểm thất nghiệp cho bà L nên quá trình làm sẽ bảo lưu lại trong sổ và khi làm chỗ mới sẽ đóng tiếp vào sổ, đồng thời chế độ bảo hiểm thất nghiệp vẫn được hưởng đầy đủ.

- Tại phiên tòa ngày 27/11/2018, ông Nguyễn Văn Chính là người đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội huyện Củ Chi trình bày:

Tính đến thời điểm tháng 02/2017, Công ty N còn nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội của bà L là 18.873.920đ (mười tám triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn chín trăm hai mươi đồng), tiền lãi chậm đóng tính đến tháng 10/2018 là 6.017.480đ (sáu triệu không trăm mười bảy nghìn bốn trăm tám mươi đồng), tổng cộng là 24.891.400đ (hai mươi bốn triệu tám trăm chín mươi một nghìn bốn trăm đồng). Công ty N đã đóng bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế cho bà L. Bà L có thể liên hệ với cơ quan bảo hiểm xã hội huyện Củ Chi để làm xác nhận thời gian đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp tại Công ty N.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời thừa nhận của các bên đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đình chỉ đối với yêu cầu cầu khởi kiện của bà L về việc yêu cầu Công ty N phải chi trả tiền trợ cấp thất nghiệp cho bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội” được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 32 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có trụ sở hoạt động tại xã Tân An Hội, huyện Củ Chi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của phía bị đơn mà không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt phía bị đơn.

[2] Về nội dung:

- Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L rút yêu cầu về việc buộc Công ty N phải chi trả tiền trợ cấp thất nghiệp cho bà. Xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này của nguyên đơn.

- Tại phiên tòa, bà L yêu cầu Công ty TNHH N (gọi tắt là Công ty N) có trách nhiệm đóng tiền bảo hiểm xã hội cho bà từ tháng 12/2015 đến tháng 02/2017, chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà đến tháng 02/2017.

Tại phiên tòa, phía bị đơn vắng mặt nhưng tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 19/10/2018, bị đơn thống nhất số tiền bảo hiểm xã hội của bà L mà Công ty N chưa nộp cho cơ quan bảo hiểm xã hội là 18.873.920đ (mười tám triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn chín

trăm hai mươi đồng), tiền lãi chậm đóng tính đến tháng 10/2018 là 6.017.480đ (sáu triệu không trăm mười bảy nghìn bốn trăm tám mươi đồng), tổng cộng là 24.891.400đ (hai mươi bốn triệu tám trăm chín mươi một nghìn bốn trăm đồng) và có ý kiến là Công ty N sẽ chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà L đến tháng 11/2015. Còn quá trình còn lại thì Công ty sẽ liên hệ bà L để chốt sổ sau khi đóng đủ tiền cho bảo hiểm xã hội.

Hội đồng xét xử nhận định:

Bà L làm việc tại Công ty TNHH N (gọi tắt là Công ty N) từ tháng 12/2008. Bà chính thức có quyết định thôi việc vào ngày 10/3/2017. Theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội thì người sử dụng lao động hàng tháng phải đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động. Việc Công ty N chậm nộp bảo hiểm xã hội cho người lao động đã xâm phạm đến quyền lợi của người lao động và gây khó khăn cho việc giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động. Theo tài liệu do nguyên đơn cung cấp, căn cứ kết quả xác nhận của cơ quan Bảo hiểm xã hội huyện Củ Chi và sự thừa nhận của phía bị đơn thì Công ty N đã vi phạm nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động mặc dù hàng tháng Công ty đã trích thu khoản tiền này của người lao động. Bắt đầu từ tháng 12/2015 đến tháng 3/2017, Công ty N không thực hiện đóng bảo hiểm xã hội cho bà L với số tiền là 18.873.920đ (mười tám triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn chín trăm hai mươi đồng), tiền lãi chậm đóng tính đến tháng 10/2018 là 6.017.480đ (sáu triệu không trăm mười bảy nghìn bốn trăm tám mươi đồng), tổng cộng là 24.891.400đ (hai mươi bốn triệu tám trăm chín mươi một nghìn bốn trăm đồng). Do vậy, cần buộc Công ty N phải có nghĩa vụ đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội cho bà L số tiền trên là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật. Theo quy định tại Điều 47 Bộ luật lao động thì: “Người sử dụng lao động có trách nhiệm hoàn thành thủ tục xác nhận và trả lại sổ bảo hiểm xã hội và những giấy tờ khác mà người sử dụng lao động đã giữ lại của người lao động”. Do đó cần buộc Công ty N phải chốt sổ bảo hiểm xã hội đến tháng 02/2017 và trả sổ bảo hiểm xã hội cho bà L, thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định tại Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 213, Điều 217, Điều 218, Điều 228, Điều 246, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 47, Điều 200 Bộ luật Lao động năm 2012;

- Áp dụng Điều 18, Điều 21, Điều 31, Điều 38, Điều 39 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;

- Áp dụng Điều 44 Luật Việc làm năm 2013;

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Áp dụng Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L về việc yêu cầu Công ty TNHH N phải chi trả cho bà tiền bảo hiểm thất nghiệp.

2. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Mỹ L.

Buộc Công ty TNHH N phải nộp vào quỹ bảo hiểm xã hội số tiền nợ bảo hiểm xã hội của bà L từ tháng 12/2015 đến tháng 02/2017 là 18.873.920đ (mười tám triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn chín trăm hai mươi đồng), tiền lãi chậm đóng tính đến tháng 10/2018 là 6.017.480đ (sáu triệu không trăm mười bảy nghìn bốn trăm tám mươi đồng), tổng cộng là 24.891.400đ (hai mươi bốn triệu tám trăm chín mươi một nghìn bốn trăm đồng); buộc Công ty TNHH N phải chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà L đến tháng 02/2017 và trả sổ bảo hiểm xã hội cho bà L, thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về án phí:

Án phí lao động sơ thẩm buộc Công ty TNHH N phải nộp là 746.742đ (bảy trăm bốn mươi sáu nghìn bảy trăm bốn mươi hai đồng).

4. Nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thanh Hương

